

Số: /2021/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng lao động
gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 26 tháng 5 năm 2015;

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân
sách nhà nước;*

*Thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính
phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp
khó khăn do đại dịch COVID-19;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Văn
bản số 2786 /SLĐTBXH-LĐVL ngày 15/11/2021 về việc xem xét, ban hành
Quyết định hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng lao động gặp khó
khăn do đại dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh; báo cáo thẩm định của
Sở Tư pháp số 298a/BC-STP ngày 23/7/2021; ý kiến của Sở Tài chính tại Văn
bản số 4702/STC-NSHX ngày 11/11/2021 và Sở Tư pháp tại Văn bản số
1060/STP-XP&TDTHPL ngày 12/11/2021).*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định việc hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại khoản 12, Mục II, Nghị quyết số 68/NQ-CP.

2. Đối tượng áp dụng

a) Người lao động đáp ứng đủ điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 3 Quyết định này.

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện hỗ trợ theo Quyết định này.

Điều 2. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Bảo đảm hỗ trợ kịp thời, đúng đối tượng, công khai, minh bạch, không để lợi dụng, trục lợi chính sách.

2. Mỗi đối tượng chỉ được hưởng một chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 68/NQ-CP và không hỗ trợ trường hợp tự nguyện không nhận chế độ.

Điều 3. Điều kiện, mức hỗ trợ, thời hạn tiếp nhận hồ sơ

1. Điều kiện hỗ trợ: Người lao động không có giao kết hợp đồng lao động (lao động tự do) thường trú hoặc tạm trú hợp pháp trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh được hỗ trợ khi có đủ các điều kiện sau:

a) Làm một trong những công việc ở các cơ sở kinh doanh sau: cơ sở thẩm mỹ/spa, cắt tóc, gội đầu; cơ sở dịch vụ thể dục thể thao (phòng tập gym, yoga, bi-a); các điểm cung cấp trò chơi điện tử, điểm truy cập internet công cộng; quán ăn/điểm ăn, uống vỉa hè; các cơ sở kinh doanh nhà hàng, cà phê.

b) Mất việc làm liên tục từ 14 ngày trở lên do tạm dừng các hoạt động sản xuất, kinh doanh theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phòng, chống dịch COVID-19 trong thời gian từ ngày 01 tháng 5 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021.

c) Chưa nhận kinh phí hỗ trợ từ các địa phương khác về nội dung trên.

2. Mức hỗ trợ:

a) Người lao động bị mất việc làm từ 14 ngày liên tục trở lên đến dưới 01 tháng (30 ngày), mức hỗ trợ là 50.000 đồng/người/ngày.

b) Người lao động bị mất việc làm từ 01 tháng trở lên, mức hỗ trợ: 1.500.000 đồng/người.

c) Phương thức chi trả: Trả một lần cho người lao động.

3. Thời hạn tiếp nhận hồ sơ: Chậm nhất đến hết ngày 31 tháng 01 năm 2022.

Điều 4. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh được trích từ nguồn dự phòng ngân sách địa phương các cấp. Trong đó: Cấp tỉnh: 50% kinh phí thực chi; cấp huyện: 30% kinh phí thực chi; cấp xã: 20% kinh phí thực chi.

2. Ủy ban nhân dân các cấp định kỳ báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân và báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp tại kỳ họp gần nhất.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã tổ chức triển khai thực hiện kịp thời, hiệu quả, đúng quy định. Chịu trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, lập danh sách các đối tượng đủ điều kiện hỗ trợ gửi Sở Tài chính xem xét, thẩm định. Trên cơ sở kết quả thẩm định của Sở Tài chính, tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ theo quy định.

2. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan và các địa phương thẩm định kinh phí theo đề nghị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; tham mưu phương án kinh phí thực hiện.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã rà soát, thẩm định hồ sơ đối tượng đề nghị hỗ trợ gửi Sở Lao động Thương binh và Xã hội; chủ động bố trí kinh phí (phần ngân sách cấp huyện đảm bảo) và kịp thời bổ sung kinh phí (bao gồm cả phần hỗ trợ từ ngân sách cấp tỉnh) cho Ủy ban nhân dân cấp xã để thực hiện chính sách; hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã (nơi đối tượng đăng ký thường trú hoặc tạm trú hợp pháp) tổ chức tiếp nhận hồ sơ, xác minh đối tượng, tổng hợp danh sách đối tượng đủ điều kiện hỗ trợ gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện. Giao Ủy ban nhân dân cấp xã bố trí kinh phí (phần ngân sách cấp xã đảm bảo), tổ chức chi trả kịp thời, đúng đối tượng, quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, hiệu quả, đúng quy định hiện hành và thực hiện thanh quyết toán theo quy định.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 24 tháng 11 năm 2021.
2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính; Thủ trưởng (Giám đốc) các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ LĐ-TBXH, Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- TTr: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Thường trực UBMTTQ tỉnh;
- Các tổ chức đoàn thể cấp tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm CB-TH;
- Lưu VT, VX₂.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Võ Trọng Hải